



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ
BAC HA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Trụ sở: Thôn Lũng Xá - Xã Cốc Lỵ - Huyện Bắc Hà - Tỉnh Lào Cai • Điện thoại: 020.6294 668 • Fax: 020.6265 606
Văn phòng đại diện: 491 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội • ĐT/Fax: 043.5520 443

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2017

Bắc Hà, ngày.....tháng.....năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý 2 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (VND)	SỐ ĐẦU NĂM (VND)
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49 607 351 639	58 665 083 613
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		159 329 925	627 232 038
1. Tiền (11)	111	V.01	159 329 925	627 232 038
2. Các khoản tương đương tiền (121,1281,1288)	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
1. Chứng khoán kinh doanh (121)	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán KD (2291)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (128)	123			
III. Các khoản phải thu	130		46 049 956 600	54 529 228 189
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng (131)	131		38 230 512 290	46 812 372 279
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn (331)	132		7 080 334 510	6 977 746 110
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn (136)	133		711 961 026	711 961 026
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng(337)	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn (1283)	135			
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác (138,338,141,244)	136	V.03	27 148 774	27 148 774
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (2293)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý (1381)	139			
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho (151->157)	141	V.04		
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (2294)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3 398 065 114	3 508 623 386
1. Chi phí trả trước ngắn hạn (242)	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ (133)	152	V.05		
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (333)	153			
4. Giao dịch mua bán Trá phiếu Chính phủ(171)	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác (2288)	155		3 398 065 114	3 508 623 386
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2112 081 842 390	2160 655 004 314
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng (131)	211			
1. Trả trước người bán dài hạn (331)	212			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc (1361)	213			
3. Phải thu nội bộ dài hạn (136)	214			
3. Phải thu về cho vay dài hạn (1283)	215	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác (338,244)	216	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (2293)	219			
II. Tài sản cố định	220		2111 992 939 524	2147 353 476 711
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	2111 992 939 524	2147 353 476 711
- Nguyên giá (211)	222		2582 832 768 681	2569 108 438 737
- Giá trị hao mòn lũy kế (2141)	223		-470 839 829 157	-421 754 962 026
2. Tài sản thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá (212)	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (2142)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá (213)	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (2143)	229			

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (VND)	SỐ ĐẦU NĂM (VND)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12		
- Nguyên giá (217)	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (2147)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			13 052 329 944
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn (154,2294)	241			
2. Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang (241)	242			13 052 329 944
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con (221)	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (222)	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (2281)	253	V.13		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (2292)	254			
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (1281,2,8)	255			
V. Tài sản dài hạn khác	260		88 902 866	249 197 659
1. Chi phí trả trước dài hạn (242)	261	V.14	88 902 866	249 197 659
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (243)	262	V.21		
3. Thiết bị, Vật tư, Phụ tùng thay thế, dài hạn (1534,2294)	263			
4. Tài sản dài hạn khác (2228)	268			
TỔNG CỘNG: TÀI SẢN	270		2161 689 194 029	2219 320 087 927
A/ NỢ PHẢI TRẢ	300		1671 944 100 173	1665 312 890 822
I. Nợ ngắn hạn	310		323 727 925 521	288 430 716 170
1. Phải trả người bán ngắn hạn (331)	311		210 349 023 399	231 582 986 817
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn (131)	312			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (333)	313	V.16	26 392 099 676	22 321 382 047
4. Phải trả người lao động (334)	314		2 130 607 949	984 982 480
5. Chi phí phải trả ngắn hạn (335)	315	V.17	1 218 507 526	1 668 016 617
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn (336)	316			
7. Phải trả theo KH, tiến độ hợp đồng XD (337)	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn (3387)	318	V.15		
9. Phải trả ngắn hạn khác (138,338,344)	319	V.18	64 778 729 780	9 514 391 018
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn(341,3439)	320	V.18	18 858 957 191	22 358 957 191
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn (352)	321			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi (353)	322			
13. Quỹ bình ổn giá (357)	323			
14. Giao dịch mua bán Trái phiếu Chính phủ(171)	324			
II. Nợ dài hạn	330		1348 216 174 652	1376 882 174 652
1. Phải trả dài hạn người bán (331)	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn (131)	332	V.19		
3. Chi phí phải trả dài hạn (335)	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh (3361)	334	V.20		
5. Phải trả nội bộ dài hạn (336)	335	V.21		
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn (3387)	336			
7. Phải trả dài hạn khác (338,344)	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (341,343)	338		1348 216 174 652	1376 882 174 652
9. Trái phiếu chuyển đổi (3432)	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi (41113)	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả (347)	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn (352)	342			
13. Quỹ Khoa học công nghệ (356)	343			

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (VND)	SỐ ĐẦU NĂM (VND)
B/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.22	489 745 093 856	554 007 197 105
I. Vốn chủ sở hữu	410		489 745 093 856	554 007 197 105
1. Vốn góp của chủ sở hữu (4111)	411		650 000 000 000	650 000 000 000
+ Cổ phiếu phổ thông biểu quyết (41111)	411a			
+ Cổ phiếu phổ thông ưu đãi (41112)	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần (4112)	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu (4113)	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu (4118)	414			
5. Cổ phiếu ngân quỹ (419)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản (412)	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái (413)	417			
8. Quỹ Đầu tư phát triển (414)	418			
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp (417)	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (418)	420			
11. Lợi nhuận chưa phân phối (421)	421		-160 254 906 144	-95 992 802 895
+ Lợi nhuận chưa phân phối năm trước (4211)	421a			
+ Lợi nhuận chưa phân phối năm nay (4212)	421b			
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB (441)	422			
II. Nguồn kinh phí	430			
1. Nguồn kinh phí (431)	431	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ (466)	432			
TỔNG CỘNG: NGUỒN VỐN	440		2161 689 194 029	2219 320 087 927

Ngày 10 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Chấp

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B02-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

QUÝ 2 NĂM 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	THUYẾT MINH	KỶ NAY		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	42 860 889 527	46 842 055 243	71 283 697 859	75 111 067 438
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (01-02)	10		42 860 889 527	46 842 055 243	71 283 697 859	75 111 067 438
4. Giá vốn hàng bán	11		33 414 676 405	33 613 043 900	64 200 581 089	65 957 011 206
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10-11)	20		9 446 213 122	13 229 011 343	7 083 116 770	9 154 056 232
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		519 570	1 706 859	2 209 384	6 381 450
7. Chi phí tài chính	22		32 779 155 865	34 513 592 066	65 991 412 504	66 976 955 418
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		32 779 155 865	34 513 592 066	65 991 412 504	66 976 955 418
8. Chi phí bán hàng	24					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2 516 940 988	1 850 220 738	4 663 160 230	3 907 973 175
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(20+(21-22)-24-25)	30		-25 849 364 161	-23 133 094 602	-63 569 246 580	-61 724 490 911
11. Thu nhập khác	31		131 818 182	10 787 891	140 228 237	18 460 146
12. Chi phí khác	32				833 084 906	
13. Lợi nhuận khác	40		131 818 182	10 787 891	- 692 856 669	18 460 146
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		-25 717 545 979	-23 122 306 711	-64 262 103 249	-61 706 030 765
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51					
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		-25 717 545 979	-23 122 306 711	-64 262 103 249	-61 706 030 765

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Ngày 21 tháng 07 năm 2017

Nguyễn Văn Chiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(25,717,545,979)	10,747,817,187
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		24,750,034,249	97,247,324,640
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			(361,814,234)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(519,570)	(468,430,502)
Chi phí lãi vay	06		32,779,155,865	137,765,737,258
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu	08		31,811,124,565	244,930,634,349
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		8,589,829,861	2,966,249,140
(Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu	11		26,870,267,232	(10,725,523,361)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		160,294,793	370,741,903
Tiền lãi vay đã trả	13		(9,833,084,906)	(139,393,874,061)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		57,598,431,545	98,148,227,970
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(25,902,023,472)	(55,352,594,673)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,689,814	468,430,502
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(25,900,333,658)	(54,884,164,171)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(32,166,000,000)	(43,834,425,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(32,166,000,000)	(43,834,425,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(467,902,113)	(570,361,201)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		627,232,038	1,197,593,239
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		159,329,925	627,232,038

Tổng Văn Long

Người lập biểu



Lào Cai, ngày 19 tháng 7 năm 2017

Tạ Hồng Diệu

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thập

Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thập

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Thôn Lũng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Biên bản họp Hội đồng cổ đông sáng lập ngày 28/1/2008 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông sáng lập số 01/NQ/ĐHDCĐ-BHHC ngày 28/1/2008.

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5300240587 ngày 18/2/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 19/03/2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5300240587 ngày 19/03/2015 là 650.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi tỷ đồng chẵn*), với số cổ phần tương ứng là 65.000.000 cổ phần, theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công trình công ích: Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp, sản xuất kinh doanh máy móc, thiết bị, vật tư, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất truyền tải và phân phối điện;
- Nghiên cứu thí nghiệm, hiệu chỉnh, sản xuất thiết bị và đào tạo cán bộ, công nhân vận hành nhà máy thủy điện;
- Tiếp nhận vận tải, vật tư thiết bị;
- Kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, trồng rừng;
- Khai thác, lọc nước, phục vụ sinh hoạt, công nghiệp và các mục đích khác;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn du lịch;
- Đầu tư tái chính vào các ngành nghề thuộc lĩnh vực mà công ty kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất truyền tải và phân phối điện.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư này thay thế cho toàn bộ Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính về Chế độ Kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định 15. Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200 được áp dụng phi hồi tố. Thông tư thể hiện những thay đổi trong cách trình bày một số khoản mục trong bảng Cân đối kế toán giữa niên độ. Số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại. Chi tiết việc phân loại lại các số liệu so sánh được trình bày tại Thuyết minh 30 của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Cấu trúc Công ty

Công ty không có khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và có một đơn vị trực thuộc là Văn phòng đại diện Công ty tại Hà Nội tại thời điểm kết thúc năm để lập báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Thôn Lũng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ sử dụng

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp.

Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP MỚI BAN HÀNH

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Ngân sách Nhà nước. Thông tư này thay thế cho toàn bộ Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 200 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2015. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 200 cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 "Tài sản cố định hữu hình". Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty được hình thành từ chi phí đầu tư xây dựng cơ bản Dự án Nhà máy Thủy điện Bắc Hà, bao gồm: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; chi phí khác. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty tăng lên từ đầu tư XDDB trong năm 2013 được xác định trên cơ sở tạm tính giá trị đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Bắc Hà theo sổ sách kế toán. Khi hoàn thành quyết toán đầu tư Dự án này, Công ty sẽ điều chỉnh nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng lên theo giá trị quyết toán Dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25-45 năm
- Máy móc, thiết bị	04-15 năm
- Phương tiện vận tải	04-12 năm
- Thiết bị văn phòng	02-04 năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Đối với doanh thu bán điện

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" như sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" như sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán là tỷ giá thực tế.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay bao gồm Chi phí phải trả lãi vay phải trả phát sinh trong năm tài chính có liên quan đến các khoản vay tín dụng các ngân hàng thương mại và các đối tượng khác theo quy định hiện hành.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này cho các đối tượng chi phí để đảm bảo các khoản chi trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh. Các khoản chi phí này được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thủy Điện Bắc Hà

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Thôn Lũng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	31/12/2016
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	79,228,603	155,007,840
Tiền gửi ngân hàng	80,101,322	472,224,198
	159,329,925	627,232,038

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	31/12/2016
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Mua bán điện	38,230,512,290	46,812,372,279
Chi nhánh Viettel Lào Cai	-	-
Cộng	38,230,512,290	46,812,372,279
	30/06/2017	31/12/2016
	VND	VND
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan	-	-

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2017		31/12/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn				
Tạm ứng	3,398,065,114	-	3,508,623,386	-
Phải thu khác	27,148,774	-	27,148,774	-
Phải thu tiền chuyển nhượng				
Các khoản phải thu khác	27,148,774	-	27,148,774	-
	3,425,213,888	-	3,535,772,160	-

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1,659,180,396,685	805,263,522,761	104,664,519,291	2,569,108,438,737
Tăng XDCBHT khác	4,325,586,882		9,398,743,062	13,724,329,944
Số dư Tại ngày 30/06/2017	1,663,505,983,567	805,263,522,761	114,063,262,353	2,582,832,768,681
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	156,306,991,187	251,915,007,311	37,867,796,413	446,089,794,911
Khấu hao trong quý	9,425,695,005	12,934,637,671	2,389,701,573	24,750,034,249
Tại ngày 30/06/2017	165,732,686,192	264,849,644,982	40,257,497,986	470,839,829,160
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2017	1,659,180,396,685	805,263,522,761	104,664,519,291	2,569,108,438,737
Tại ngày 30/06/2017	1,497,773,297,375	540,413,877,779	73,805,764,367	2,111,992,939,521

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Thôn Lũng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/06/2017	31/12/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang Công trình Thủy điện Bắc Hà	-	13,052,329,944
- Chi phí xây lắp	-	-
- Chi phí thiết bị	-	-
- Chi phí khác	-	13,052,329,944
	<u>-</u>	<u>13,052,329,944</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017	31/12/2016
	VND	VND
a. Ngắn hạn	-	-
Công cụ dụng cụ có giá trị lớn	-	-
b. Dài hạn	88,902,866	249,197,659
Công cụ dụng cụ có giá trị lớn	88,902,866	249,197,659
	<u>88,902,866</u>	<u>249,197,659</u>

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (phụ lục 1)

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/06/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	9,233,978,218	9,058,505,531	6,384,691,018	11,907,792,731
Thuế TNDN	-	-	-	-
Thuế TNCN	221,632,500	47,368,955	250,080,647	18,920,808
Thuế tài nguyên	9,049,202,732	5,672,588,503	4,271,877,155	10,449,914,080
Các khoản phí, lệ phí	3,816,568,597	1,401,903,460	1,203,000,000	4,015,472,057
	<u>22,321,382,047</u>	<u>16,180,366,449</u>	<u>12,109,648,820</u>	<u>26,392,099,676</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Thôn Lũng Xá, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017	31/12/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	56,438,209	30,813,908
Bảo hiểm xã hội	587,011,820	221,811,736
Bảo hiểm y tế	100,695,303	14,584,716
Bảo hiểm thất nghiệp	52,419,801	16,923,248
Các khoản phải trả, phải nộp khác	63,982,164,647	9,230,257,410
	64,778,729,780	9,514,391,018

14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Phụ lục 2)

15 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Phụ lục 2)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lỗi lũy kế	Cộng
Số dư đầu năm nay	650,000,000,000	(95,992,802,895)	554,007,197,105
Lợi nhuận quý 1/2017	-	(38,544,557,270)	(38,544,557,270)
Lợi nhuận quý 2/2017	-	(25,717,545,979)	(25,717,545,979)
Tại ngày 30/06/2017	650,000,000,000	(160,254,906,144)	489,745,093,856

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Thôn Lũng Xá, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017	31/12/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	56,438,209	30,813,908
Bảo hiểm xã hội	587,011,820	221,811,736
Bảo hiểm y tế	100,695,303	14,584,716
Bảo hiểm thất nghiệp	52,419,801	16,923,248
Các khoản phải trả, phải nộp khác	63,982,164,647	9,230,257,410
	64,778,729,780	9,514,391,018

14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Phụ lục 2)

15 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Phụ lục 2)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lỗ lũy kế	Cộng
Số dư đầu năm nay	650,000,000,000	(95,992,802,895)	554,007,197,105
Lợi nhuận quý 1/2017	-	(38,544,557,270)	(38,544,557,270)
Lợi nhuận quý 2/2017	-	(25,717,545,979)	(25,717,545,979)
Tại ngày 30/06/2017	650,000,000,000	(160,254,906,144)	489,745,093,856

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Danh sách cổ đông sáng lập
và cổ đông khác

	Số vốn thực góp tại 31/12/2016		Số thực góp tại 30/06/2017	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	286,507,270,000	44.08%	286,576,070,000	44.09%
Công ty CP Licogi 14	60,000,000,000	9.23%	60,000,000,000	9.23%
Vốn góp công ty chứng khoán liên minh VN		0.00%	3,000,000,000	0.46%
Công ty CP Đầu tư và Xây d		0.00%		0.00%
Công ty CP Đầu tư Bắc Hà	58,500,000,000	9.00%	58,500,000,000	9.00%
Ngân hàng TMCP Phát triển	13,833,330,000	2.13%		0.00%
Công ty Cổ Phần Hưng Doanh Việt	166,000,000,000	25.54%	166,000,000,000	25.54%
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh bất động sản Mặt Trời Mới	43,266,000,000	6.66%	43,266,000,000	6.66%
Cổ đông khác	21,893,400,000	3.37%	32,657,930,000	5.02%
	650,000,000,000	100.00%	650,000,000,000	100.00%

17. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	30/06/2017	31/12/2016
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	42,860,889,527	294,671,225,083
	42,860,889,527	294,671,225,083

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	30/06/2017	31/12/2016
	VND	VND
Giá vốn điện thương phẩm	33,414,676,405	138,769,649,285
	33,414,676,405	138,769,649,285

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	30/06/2017	31/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	519,570	-
	519,570	-

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Thôn Lũng Xá, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	30/06/2017	31/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	32,779,155,865	137,765,737,258
	<u>32,779,155,865</u>	<u>137,765,737,258</u>

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	30/06/2017	31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3,745,345,104	13,104,111,808
Chi phí khấu hao và công cụ, dụng cụ	24,766,951,895	97,247,324,640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	326,999,480	5,197,995,469
Chi phí bằng tiền khác	7,122,321,874	31,431,699,479
	<u>35,961,618,353</u>	<u>146,981,131,396</u>

22. THU NHẬP KHÁC

	30/06/2017	31/12/2016
	VND	VND
Thu nhập khác	131,818,182	39,040,655
	<u>131,818,182</u>	<u>39,040,655</u>

23. CHI PHÍ KHÁC

	30/06/2017	31/12/2016
	VND	VND
Chi phí khác	-	45,824,633
	<u>-</u>	<u>45,824,633</u>

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	30/06/2017	31/12/2016
	VND	VND
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>-</u>	<u>-</u>

Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản. Công ty đã nộp thuế theo thông báo của cơ quan thuế.

25. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	30/06/2017	31/12/2016
	VND	VND
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(25,717,545,979)	10,747,817,187
(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(25,717,545,979)	10,747,817,187
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	65,000,000	65,000,000
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	<u>(396)</u>	<u>165</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Thôn Lũng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với bản cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2017	31/12/2016	30/06/2017	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương	159,329,925	627,232,038	159,329,925	627,232,038
Phải thu khách hàng, phải thu khác	41,655,726,178	50,348,144,439	41,655,726,178	50,348,144,439
	41,815,056,103	50,975,376,477	41,815,056,103	50,975,376,477
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	1,367,075,131,843	1,399,241,131,843	1,367,075,131,843	1,399,241,131,843
Phải trả người bán, phải trả khác	275,127,753,179	241,097,377,835	275,127,753,179	241,097,377,835
Chi phí phải trả	1,218,507,526	1,668,016,617	1,218,507,526	1,668,016,617
	1,643,421,392,548	1,642,006,526,295	1,643,421,392,548	1,642,006,526,295

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích trình bày trên báo cáo tài chính:

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Thôn Lũng Xá, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2016				
Vay và nợ	18,858,957,191	1,348,216,174,652	-	1,367,075,131,843
Phải trả người bán, phải trả Chi phí phải trả	275,127,753,179	-	-	275,127,753,179
	1,218,507,526	-	-	1,218,507,526
	295,205,217,896	1,348,216,174,652	0	1,643,421,392,548
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	22,358,957,191	1,376,882,174,652	-	1,399,241,131,843
Phải trả người bán, phải trả Chi phí phải trả	241,097,377,835	-	-	241,097,377,835
	1,668,016,617	-	-	1,668,016,617
	265,124,351,643	1,376,882,174,652	0	1,642,006,526,295

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Tổng Văn Long
Người lập biểu

Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thập
Tổng Giám đốc

Lào Cai, ngày 15 tháng 7 năm 2017



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thập

Phụ lục 01

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đến 30 tháng 06 Năm 2017

PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Anh Nguyễn Huyện Bắc Hà I	533,129,027	533,129,027	533,129,027	533,129,027
Công ty TNHH MTV Anh Phương Hoàng		-		-
Công ty TNHH Bắc Hà . Huyện Bắc Hà	451,595,400	451,595,400	551,595,400	551,595,400
Công ty TNHH MTV XD và VT Bình Phát	13,099,424	13,099,424	13,099,424	13,099,424
Công ty Cổ phần công nghệ và TM Bách Khoa	18,246,000	18,246,000	18,246,000	18,246,000
Công ty TNHH Cao Hà	716,241,270	716,241,270	916,241,270	916,241,270
Công ty Xây dựng cấp thoát nước & HTKT.LI	1,486,008,779	1,486,008,779	1,617,803,779	1,617,803,779
Hợp tác xã Công Khánh	19,842,159	19,842,159	69,842,159	69,842,159
Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6	1,326,213,202	1,326,213,202	1,326,213,202	1,326,213,202
Công ty tư vấn điện I.Tổng Công ty điện lực VN	9,205,062,894	9,205,062,894	9,305,062,894	9,305,062,894
Công ty TNHH xây dựng công trình số VI	1,190,125,397	1,190,125,397	1,290,125,397	1,290,125,397
Công ty TNHH Khánh Dư	8,040,567	8,040,567	8,040,567	8,040,567
Công ty TNHH MTV xây lắp điện 4		-		-
Công ty TNHH Đức Lộc-Huyện Bắc Hà	69,046,751	69,046,751	69,046,751	69,046,751
Công ty TNHH Dũng Mạnh .Huyện Bắc Hà		-		-
Công ty TNHH MTV Đức tướng		-		-
Công ty TNHH Đức Cường	4,788,140	4,788,140	4,788,140	4,788,140
Tập đoàn điện lực Việt Nam EVN	773,467,654	773,467,654	253,272,796	253,272,796
Công ty Cổ phần thủy điện Hoà Bình	17,591,000	17,591,000	17,591,000	17,591,000
Công ty TNHH Hưng Đạt .Huyện Bắc Hà	4,335,690	4,335,690	4,335,690	4,335,690
Doanh nghiệp Hồng Hợi	37,367,013	37,367,013	37,367,013	37,367,013
Công ty cổ phần khảo sát Xây dựng công trình	253,845,403	253,845,403	553,845,403	553,845,403
Công ty TNHH DELOITTE Việt Nam		-		-
Công ty Cổ phần cơ giới và xây lắp số 10	438,967,422	438,967,422	438,967,422	438,967,422
Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng số 18	87,055,860,731	87,055,860,731	97,055,860,731	97,055,860,731
Công ty LICOGI 20	15,824,656,808	15,824,656,808	16,124,656,808	16,124,656,808
Công ty MTV cơ khí Đông Anh (LICOGI)	31,653,111,250	31,653,111,250	32,653,111,250	32,653,111,250
Công ty lắp máy điện nước LICOGI	828,695,444	828,695,444	4,078,695,444	4,078,695,444
Công ty Cổ phần LILAMA 10	16,381,746,185	16,381,746,185	18,181,746,185	18,181,746,185
Công ty TNHH MTV Mai Ngọc Lào Cai	4,120,685	4,120,685	4,120,685	4,120,685
Công ty TNHH Phát Tuyến		-	74,191,450	74,191,450
Công ty TNHH MTV Phương Bắc	732,711	732,711	732,711	732,711
Công ty TNHH Đầu tư & Xây dựng Quang S		-	123	123
Công ty Cổ phần Sông đá 11- CN Sông Đà 1	39,264,300	39,264,300	539,264,300	539,264,300
Công ty sông đá 12	158,430,121	158,430,121	158,430,121	158,430,121

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đến 30 tháng 06 Năm 2017

PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH công nghệ TM sông Hồng	156,022,571	156,022,571	156,022,571	156,022,571
Công ty CP TM Thành An	48,582,600	48,582,600		-
Tổng công ty Cổ phần điện tử và tin học Việt	17,403,867,763	17,403,867,763	19,693,523,363	19,693,523,363
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng	628,444,300	628,444,300	700,444,300	700,444,300
Công ty CP nghiên cứu và thí nghiệm điện	2,077,320,847	2,077,320,847	2,377,320,847	2,377,320,847
Công ty TNHH MTV thí nghiệm điện miền E	68,097,563	68,097,563	68,097,563	68,097,563
Trung tâm quan trắc môi trường	12,340,000	12,340,000	12,340,000	12,340,000
Công ty Tư vấn giám sát kỹ thuật xây dựng	1,625,503,000	1,625,503,000	2,125,503,000	2,125,503,000
Công ty TNHH tư vấn & dịch vụ KT thuật th	19,796,000	19,796,000	19,796,000	19,796,000
Tập đoàn viễn thông quốc đội	62,896,589	62,896,589	108,010,790	108,010,790
Công ty Cổ phần VIBRO - Việt Nam	460,000	460,000	460,000	460,000
Công ty Cổ phần giám định Vinacontrol	221,088,547	221,088,547	221,088,547	221,088,547
Viện Nghiên Cứu cơ khí - Bộ Công thương	50,741,749	50,741,749	400,741,749	400,741,749
Xí nghiệp khảo sát xây dựng điện 1	13,611,590,963	13,611,590,963	13,811,590,963	13,811,590,963
Công ty Cp công nghệ viễn thông điện lực	75,410,000	75,410,000	75,410,000	75,410,000
Công ty TNHH Việt Cường	637,557,326	637,557,326	737,557,326	737,557,326
Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Anh Tuất	57,100,378	57,100,378	97,100,378	97,100,378
Công ty TNHH Công Nghệ Việt	100,390,000	100,390,000	100,390,000	100,390,000
Công ty CP chứng nhận và KĐ VINACOTRC	4,840,000	4,840,000	4,840,000	4,840,000
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Kinh			500	500
Công ty CP EMIN Việt Nam	935,000	935,000		-
Công ty xây lắp số 14.LICOI 14	4,362,612,929	4,362,612,929	4,862,612,929	4,862,612,929
Công ty cổ phần LICOI 15				-
Thời báo tài chính Việt Nam	9,900,000	9,900,000		-
Công ty tư vấn Xây dựng LICOI	1,294,847	1,294,847	21,294,847	21,294,847
Công ty TNHH tư vấn kiểm toán Compt	516,600,000	516,600,000		-
Doanh nghiệp Nguyễn Xuân chiến			7,419,000	7,419,000
Viện kinh tế xây dựng	81,999,000	81,999,000	81,999,000	81,999,000
	210,349,023,399	210,349,023,399	231,582,986,815	231,582,986,815

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà

Địa chỉ: Thôn Lũng Xa, xã Cốc Lỵ, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Phụ lục 02

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	30/06/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
a. Vay và nợ ngắn hạn	18,858,957,191	18,858,957,191	-	3,500,000,000
Vay và nợ ngân hàng				
Vay đối tượng khác	500,000,000	500,000,000	-	3,500,000,000
- Vay Công ty Cổ phần LICOGI 9 (3)				
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả				
- Ngân hàng ANo & PTNT Việt Nam - CN Thăng Long (7)	18,358,957,191	18,358,957,191	-	18,358,957,191
- Ngân hàng Phát triển Việt nam - CN Lào Cai	1,348,216,174,652	1,348,216,174,652	-	28,666,000,000
b. Vay dài hạn	1,348,216,174,652	875,698,469,787	472,517,704,865	28,666,000,000
Vay dài hạn từ Ngân hàng Nông nghiệp Thăng Long (4)	875,698,469,787	875,698,469,787	-	28,666,000,000
Vay dài hạn từ Ngân hàng Phát triển Lào cai (5)	131,516,969,500	131,516,969,500	-	333,000,000
Vay nhập khẩu Thiết bị - Ngân hàng Phát triển Lào cai (5)	121,610,586,000	121,610,586,000	-	121,610,586,000
Vay vốn thối thuận - Ngân hàng Phát triển Lào cai (5)	165,270,149,365	165,270,149,365	-	333,000,000
Nợ dài hạn	-	-	-	-
- Ngân hàng Phát triển Việt nam - CN Lào Cai (6)	-	-	-	-
Cộng	1,367,075,131,843	1,367,075,131,843	-	32,166,000,000
- Ngân hàng NNO & PTNT Việt Nam - CN Thăng L	54,120,000,000	54,120,000,000	-	54,120,000,000
Cộng	1,367,075,131,843	1,367,075,131,843	-	1,399,241,131,843
				22,358,957,191
				4,000,000,000
				18,358,957,191
				1,376,882,174,652
				903,698,469,787
				131,849,969,500
				121,610,586,000
				165,603,149,365
				54,120,000,000
				1,399,241,131,843
				1,399,241,131,843

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THUỖ ĐIỆN BẮC HÀ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
o0o

Số: 185 /17/ BHHC-TCHC
V/v: Báo cáo tài chính Quý II/2017

Bắc Hà, ngày 18 tháng 07 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THUỖ ĐIỆN BẮC HÀ**
Địa chỉ: Thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.
Điện thoại: 0214 6294668

Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Nguyễn Văn Thập**
Địa chỉ: Thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.
Điện thoại: 0983078545

Loại công bố thông tin:

<input type="checkbox"/>	24 giờ
<input type="checkbox"/>	72 giờ
<input type="checkbox"/>	Bất thường
<input type="checkbox"/>	Theo yêu cầu
<input checked="" type="checkbox"/>	Định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

Báo cáo tài chính Quý II/2017.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà ngày 18/07/2017 tại đường dẫn: <http://www.thuydienbachalaocai.com.vn>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Lưu TCHC.

